TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. NT **TỈNH KH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 491/2023/QĐST-HNGĐ	*NT, ngày 18 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 730/2022/TLST-HNGĐ ngày 08/6/2022 về yêu cầu "Chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân" và hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1226/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2022 về yêu cầu "Ly hôn"; Quyết định nhập vụ án số 01/QĐNVA- HNGĐ ngày 27/02/2023 giữa:

* *Nguyên đơn*: Bà **Lê Thị Phương T** – sinh năm 1981.

Địa chỉ: 29B Hồ Xuân Hương, Phước Hòa, NT, KH.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Lê Thị Phương T: Luật sư Nguyễn Đình Thơ – Văn phòng luật sư Nguyễn Đình Thơ – thuộc Đoàn luật sư tỉnh KH.

* *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Đình V** – sinh năm 1982.

Địa chỉ: 29B Hồ Xuân Hương, Phước Hòa, NT, KH.

Địa chỉ hiện ở: Số 06 đường 3B, Khu đô thị Hà Quang 2, Phước Hải, NT, KH.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2023;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà **Lê Thị Phương T** và ông **Nguyễn Đình V.**

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Bà Lê Thị Phương T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng có 02 con chung là cháu Nguyễn Lê T (Sinh ngày 25/11/2010) và Nguyễn Lê Thủy M (Sinh ngày 08/11/2016).

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Đình V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 2.500.000đ/tháng/cháu, thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 7/2023 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Ông Nguyễn Đình V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Quy định: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.2. Về tài sản chung: Bà Lê Thị Phương T và ông Nguyễn Đình V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện "Chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân" do nguyên đơn bà Lê Thị Phương T tự nguyện rút đơn khởi kiện.

2.3. Về án phí: Bà Lê Thị Phương T tự nguyện nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật. Như vậy, bà T phải nộp số tiền 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002718 ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố NT. Bà T đã nộp đủ án phí.

Hoàn trả lại cho bà Lê Thị Phương T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 48.490.000đ (*Bốn mươi tám triệu, bốn trăm chín mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001940 ngày 08/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố NT.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh KH;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. NT (2 bản);
- Chi cục THA dân sự Tp. NT;
- UBND phường Tân Lập, thành phố NT, tỉnh KH; (số 06/2010, ngày 27/01/2010).
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

Đàm Thị Bích Ngọc